HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, THU NHẬP HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Phân lân Ninh Bình ngày 26/4/2022)

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình đã được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

1. Hội đồng quản trị Công ty công khai các nội dung thông tin tài chính của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
A. Tình hình tài chính			
I. Tài sản ngắn hạn	***100-BCĐKT***	***224.203.510.344***	***225.408.318.426***
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	12.847.567.724	8.617.687.884
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	-	-
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	74.210.408.501	49.196.629.961
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	136.962.991.166	167.242.694.082
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	182.542.953	351.306.499
II. Tài sản dài hạn	***200-BCĐKT***	***19.024.796.065***	***13.497.067.017***
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	29.000.000	29.000.000
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	17.528.921.454	12.594.927.121
- Nguyên giá	222+225+228CĐKT	80.798.921.788	81.124.121.988
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223+226+229CĐKT	(63.270.000.334)	(68.529.194.867)
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
4. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	1.466.874.611	873.139.896
III. Nợ phải trả	***300-BCĐKT***	***60.382.990.735***	***52.739.415.190***
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	60.057.235.735	52.583.640.190
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	325.755.000	155.775.000
IV. Vốn chủ sở hữu	***400-BCĐKT***	***182.845.315.674***	***186.165.970.253***
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	157.312.600.000	157.312.600.000
Trong đó: Vốn góp của Nhà nước		*80.234.280.000*	*80.234.280.000*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414-BCĐKT	881.911.314	881.911.314
3. Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	12.192.443.196	12.192.443.196
4. Quỹ dự phòng tài chính	418-BCĐKT		
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421-BCĐKT	12.458.361.164	15.779.015.743
6. Nguồn vốn ĐTXDCB	421-BCĐKT	-	-

Signature Not Verified
Ký bởi: DƯƠNG NHƯ ĐỨC
Ký ngày: 28/4/2022 15:18:1

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2021
B. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu	10+21+31-BCKQHĐKD	435.720.111.813	560.444.109.661
Trong đó: Doanh thu thuần bán hàng	10-BCKQHĐKD	*432.545.033.168*	*556.275.361.655*
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQHĐKD	13.844.558.050	17.110.092.339
3. Tổng lợi nhuận sau thuế	60-BCKQHĐKD	10.384.267.607	13.588.642.072
4. Tổng số đã nộp ngân sách		4.845.058.470	6.044.442.071
C. Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)		2,4	2,4
2. Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH (%)		6,60	8,64
3. Nợ phải trả/Vốn đầu tư CSH (lần)		0,38	0,34
5. Tổng quỹ lương		27.390.962.922	35.968.298.124
6. Số lao động bình quân trong năm		254	320

2. Hội đồng quản trị Công ty công khai thù lao, tiền lương (thu nhập) của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập công ty chi trả	
		Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
Ông Phạm Mạnh Ninh	Chủ tịch HĐQT	382.016.000	390.635.000
Ông Dương Như Đức	GĐ, TV HĐQT	330.239.000	405.097.000
Ông Phạm Hồng Sơn	PGĐ, TV HĐQT	349.419.000	376.778.000
Ông Nguyễn Ngọc Chi	Phó Giám đốc	302.880.000	284.170.000
Ông Phạm Thanh Tùng	Nguyên CT HĐQT	36.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	TV HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Hà Huy San	TV HĐQT, TP. KT	239.853.000	255.590.000
Ông Nguyễn Ngọc Thuấn	Kế toán trưởng	193.410.000	239.549.000
Bà Hoàng Thị Tiệp	Trưởng BKS	137.709.000	141.923.000
Bà Tạ Thị Kim Chúc	TV BKS	131.371.000	138.169.000
Ông Vi Hoàng Sơn	TV BKS	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng		**2.210.897.000**	**2.339.911.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH
GIÁM ĐỐC

MSDN: 2700.224.4... CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH H. HOA LƯ T. NINH BÌNH

Dương Như Đức